ENGLISH 7 – DICTATION UNIT 7

1. Làm việc	
2. Công nhân	
3. Khá	
4. Kỳ nghĩ hè	
5. Kéo dài	
6. Nghe	
7. Thật	
8. Lễ Phục sinh	
9. Lễ tạ ơn	
10. Lễ giáng sinh	
11. Chung, công	
12. Điển hình, tiêu biểu	
13. Tiết	
14. Năng nổ, nhiệt tình	
15. Ôn lại	
16. Chắc chắn	
17. Lười biếng	
18. Vui mừng	
19. Bán thời gian	
20. Trọn thời gian	
21. Địa phương	
22. Vô gia cư	
23. Người vô gia cư	
24. Thợ máy	
25. Máy móc	
26. Ca (làm việc)	
27. Ngày nghỉ	
28. Chuồng trâu	
29. Lau dọn	
30. Vụ mùa	

LIVEWORKSHEETS